

PHỤ LỤC 2A

ĂNG KÝ DANH MỤC THUỘC KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ GTNT NĂM 2026 THUỘC 77 XÃ, PHƯỜNG PHÍA TÂY TỈNH GIA LAI
(PHẦN: SỬA CHỮA, MỞ RỘNG ĐƯỜNG GTNT)

(Kèm theo Quyết định số /QĐ UBND ngày /7/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức xi măng hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Năm đưa vào khai thác sử dụng
		Đường liên xã (đường ĐH trước đây)	ĐX	Loại A	Loại B			
1	PHƯỜNG AN BÌNH	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
2	PHƯỜNG AN KHÊ	-	-	0,250	0,100		64,800	
2.1	Hẻm 118 Hoàng Văn Thụ	-	-	-	0,100	153	15,300	2004
2.2	Hẻm 221 Ya Đố	-	-	0,250	-	198	49,500	2009
3	PHƯỜNG AN PHÚ	-	-	4,093	0,602		902,441	
3.1	Tổ dân phố Đoàn Kết							
	Đường từ nhà ông Dũng đến nhà ông Bình	-	-	0,284	-	198	56,232	Trước năm 2014
	Hẻm 16 - An Dương Vương (Từ nhà ông Quan đến nhà bà Trị)	-	-	0,076	-	198	15,048	Trước năm 2014
3.2	Tổ dân phố Âu Cơ							
	Hẻm 42 Âu cơ từ Hẻm 42 Âu cơ đến đường Võ Văn Tần	-	-	0,130	-	198	25,740	2009
	Hẻm 13, 15 Âu cơ từ SN 13,15 Âu Cơ đến SN15/20	-	-	0,180	-	198	35,640	2009
		-	-	-	0,052	153	7,956	2009
	Đường vành đai KTNT(Đoạn từ Lô A đến lô E))	-	-	0,400	-	198	79,200	Trước năm 2014
	58 LLQ	-	-	0,443	-	198	87,714	Trước năm 2014
3.3	Tổ dân phố Thăng Lợi							
	Hẻm 274/11 Lê Duẩn, Từ đầu Lê Duẩn đến Đặng Thai Mai	-	-	0,819	-	198	162,162	Trước năm 2014
	Hẻm 376 Lê Duẩn, Từ đầu Lê Duẩn đến Đặng Thai Mai	-	-	0,360	-	198	71,280	Trước năm 2014
	Hẻm 56 Đặng Thai Mai	-	-	0,171	-	198	33,779	Năm 2011
	Hẻm Mạc Thị Bưởi nối dài	-	-	0,696	-	198	137,709	Nam 2005
3.6	Tổ dân phố An Mỹ							

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức xi măng hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Năm đưa vào khai thác sử dụng
		Đường liên xã (đường ĐH trước đây)	ĐX	Loại A	Loại B			
	Đường từ nhà bà Nguyễn Thị Liễu đến chùa An Thạnh	-	-	0,310	-	198	61,380	Trước năm 2014
	Đường từ nhà ông Nguyễn Văn Báu đến nhà bà Lê Thanh Tâm	-	-	0,225	-	198	44,451	Trước năm 2014
	Đường từ nhà 6 Ngọc đến nhà ông Bài	-	-	-	0,050	153	7,650	Trước năm 2014
3.8	Làng Bông Phun							
	Đường từ nhà ông Thon đến nhà ông Niêu	-	-	-	0,500	153	76,500	Trước năm 2014
4	PHƯỜNG AYUN PA	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
5	PHƯỜNG DIÊN HỒNG	-	-	1,999	-		395,802	
5.1	Đường hẻm 39 Võ Thị Sáu, Tổ dân phố 2 Ia Kring, phường Diên Hồng	-	-	0,113	-	198	22,374	2013
5.2	Đường hẻm 140 Trần Nhật Duật, Tổ dân phố 7 Ia Kring, phường Diên Hồng	-	-	0,330	-	198	65,340	2015
5.3	Đường hẻm 248 Lê Thánh Tôn, tổ dân phố 10 Ia Kring, phường Diên Hồng	-	-	0,250	-	198	49,500	2011
5.4	Đường hẻm 206 Lê Thánh Tôn, tổ dân phố 10 Ia Kring, phường Diên Hồng	-	-	0,200	-	198	39,600	2012
5.5	Đường hẻm 125 Hoàng Sa, tổ dân phố 10 Ia Kring, phường Diên Hồng	-	-	0,900	-	198	178,200	2012
5.6	Hẻm 52 Nguyễn Thái Bình, tổ dân phố 9 Ia Kring, phường Diên Hồng	-	-	0,102	-	198	20,196	2007
5.7	Hẻm 79 Phùng Khắc Khoan, tổ dân phố 13 Yên Đỗ, phường Diên Hồng	-	-	0,104	-	198	20,592	2012
6	PHƯỜNG HỘI PHÚ	-	-	4,755	-		941,490	
6.1	Tổ dân phố 3							
	Đường hẻm 92 Lê Thị Riêng	-	-	0,176	-	198	34,848	2011
	Đường hẻm 05 Lương Định Của (từ 05 Lương Định Của tới đường Út Tịch)	-	-	0,300	-	198	59,400	2011
	Đường hẻm 432 Nguyễn Viết Xuân	-	-	0,210	-	198	41,580	2011
6.2	Tổ dân phố 5							

[illegible]

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức xi măng hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Năm đưa vào khai thác sử dụng
		Đường liên xã (đường ĐH trước đây)	ĐX	Loại A	Loại B			
10	XÃ AYUN	-	7,000	2,000	-		2.874,000	
10.1	Đường BTXM thôn 3; Đoạn từ nhà bà Hồng tới nhà bà Hợp	-	-	2,000	-	198	396,000	2006
10.2	Đường từ thôn 2 đi trung tâm xã	-	4,000	-	-	354	1.416,000	2017
10.3	Đường từ thôn 3 đi làng Bông Pim	-	3,000	-	-	354	1.062,000	2009
11	XÃ BÀU CẠN	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
12	XÃ BIỂN HỒ	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
13	XÃ BỜ NGOONG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
14	XÃ CHƠ LONG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
15	XÃ CHƯ A THAI	-	-	0,700	-	396,000	138,600	
15.1	Thôn Thanh Thượng							
	Đầu tư, nâng cấp tuyến đường GTNT nội thôn thôn Thanh Thượng với chiều dài dự kiến khoảng 250m	-	-	0,300	-	198	59,400	2013
15.2	Thôn Plei Glung Mơ Lan							
	Đầu tư, nâng cấp tuyến đường GTNT nội thôn thôn Glung A (cũ) với chiều dài dự kiến khoảng 400m	-	-	0,400	-	198	79,200	2015
16	XÃ CHƯ KREY	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
17	XÃ CHƯ PĂH	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
18	XÃ CHƯ PRÔNG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
19	XÃ CHƯ PƯH	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
20	XÃ CHƯ SÊ	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
21	XÃ CỬU AN	-	0,927	-	1,173		328,716	
21.1	Thôn An Xuân 2							
	Tuyến đường từ Tỉnh lộ 669 đến sân vận động	-	0,927	-	-	161	149,247	2006
21.2	Thôn Thượng An 1							
	Đường từ QL 19 đi vào làng Pốt	-	-	-	0,323	153	49,419	2010
21.3	Thôn An Điền Nam							
	Tuyến đường đi qua Chợ Cửu An	-	-	-	0,650	153	99,450	2009
21.4	Thôn Tú Thủy 2							

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức xi măng hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Năm đưa vào khai thác sử dụng
		Đường liên xã (đường ĐH trước đây)	ĐX	Loại A	Loại B			
	Đường từ nhà ông Trần Đình Thông đến nhà ông Bùi Quốc Hiệp	-	-	-	0,200	153	30,600	2004
22	XÃ ĐAK ĐOA	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
23	XÃ ĐẮK PƠ	-	1,550	-	-		249,550	
23.1	Tuyến đường từ đầu làng đến cuối làng Krông Hra	-	1,200	-	-	161	193,200	2009
23.2	Mở rộng đường bê tông từ san bóng đá đến suối xà nguồn Làng Kuk Đak	-	0,350	-	-	161	56,350	2010
24	XÃ ĐAK RONG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
25	XÃ ĐAK SƠMEI	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
26	XÃ ĐẮK SONG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
27	XÃ ĐỨC CƠ	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
28	XÃ GÀO	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
29	XÃ HRA	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
30	XÃ IA BẮNG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
31	XÃ IA BOÔNG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
32	XÃ IA CHIA	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
33	XÃ IA DƠK	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
34	XÃ IA DOM	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
35	XÃ IA DREH	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
36	XÃ IA GRAI	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
37	XÃ IA HIAO	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
38	XÃ IA HRÚ	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
39	XÃ IA HRUNG	-	-	-	5,100		780,300	
39.1	Thôn Hưng Bình - Tân Hợp							
	Đoạn đường nội thôn Hưng Bình Tân hợp (đoạn từ nhà bà Hồng đến nhà ông Thi; từ nhà bà Tâm đến công ty 706)	-	-	-	2,600	153	397,800	2009
39.2	Thôn Thái Hà							
	Đường liên thôn Thái Hà (đoạn từ thôn lập thành đến thôn thái hà)	-	-	-	2,500	153	382,500	1985

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức xi măng hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Năm đưa vào khai thác sử dụng
		Đường liên xã (đường ĐH trước đây)	ĐX	Loại A	Loại B			
40	XÃ IA KHU'OL	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
41	XÃ IA KO	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
42	XÃ IA KRÁI	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
43	XÃ IA KRÊL	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
44	XÃ IA LÂU	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
45	Xã IA LE	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
46	XÃ IA LY	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
47	XÃ IA MƠ	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
48	XÃ IA NAN	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
49	XÃ IA O	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
50	XÃ IA PA	-	-	-	6,260		957,780	
50.1	Duy tu, sửa chữa một số tuyến đường BTXM nội thôn Ma San	-	-	-	0,500	153	76,500	2012
50.2	Duy tu, sửa chữa một số tuyến đường BTXM nội thôn Marin 2 (cũ), xã Ia Pa	-	-	-	0,500	153	76,500	2012
50.3	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường nội thôn Marin 3 (cũ), xã Ia Pa	-	-	-	1,000	153	153,000	2012
50.4	Duy tu, sửa chữa đường BTXM liên thôn Đăk chá - H'ilil 2 - H'ilil (Từ đầu thôn Đăk Chá hướng đi từ Đăk Chá nhỏ bắt đầu từ nhà Ksor Thanh đến nhà Rahlan H'Soát)	-	-	-	0,700	153	107,100	2012
50.5	Duy tu, sửa chữa một số tuyến đường nội Thôn Kơ Nia (cũ), xã Ia Pa	-	-	-	0,500	153	76,500	2012
50.6	Duy tu, sửa chữa một số tuyến đường nội thôn Quý Tân (cũ), xã Ia Pa	-	-	-	1,060	153	162,180	2012
50.7	Duy tu, sửa chữa đường BTXM nội thôn Marin 1 (cũ), xã Ia Pa	-	-	-	0,500	153	76,500	2012
50.8	Duy tu, sửa chữa đường BTXM nội thôn 2 (cũ), xã Ia Pa	-	-	-	0,500	153	76,500	2012
50.9	Duy tu, sửa chữa đường BTXM nội thôn Plei Nghôn (cũ), xã Ia Pa	-	-	-	1,000	153	153,000	2012
51	XÃ IA PHÍ	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức xi măng hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Năm đưa vào khai thác sử dụng
		Đường liên xã (đường ĐH trước đây)	ĐX	Loại A	Loại B			
52	XÃ IA PIA	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
53	XÃ IA PNÔN	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
54	XÃ IA PÚCH	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
55	XÃ IA RBOL	-	-	-	1,000		153,000	
55.1	Bôn Krăi							
	Đường GTNT Bôn Krăi (Xưởng cưa Dư Thiện qua nhà Mả Bôn Hoanh (cũ))	-	-	-	0,185	153	28,305	2008
55.2	Bôn Rung Ma Nin							
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Nin (Ông Nay Pher đến Nay H' Phoanh)	-	-	-	0,180	153	27,540	2010
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Nin (Đoạn từ đường liên xã (Quầy thuốc Gia Tuấn) đến nhà mả Bôn Rung Ma Nin)	-	-	-	0,250	153	38,250	2017
55.3	Bôn Rung Ma Doan							
	Đường GTNT Bôn Rung Ma Doan (Đoạn từ đường liên xã (tạp hóa Bắc Lý) đến nhà bà Ksor H' Lon)	-	-	-	0,075	153	11,475	2015
55.4	Bôn Bìr							
	Đường GTNT Bôn Bìr (từ Trường Phạm Hồng Thái, tỉnh lộ 668 (Tiệm thuốc tây Minh Chi) đến nhà ông Ksor Gier (đổi diện tạp hóa) xã Ia Rbol	-	-	-	0,310	153	47,430	2010
56	XÃ IA RSAI	-	2,110	-	-		331,087	
	Buôn Gum Gôp							
56.1	Đường giao thông buôn Gum Gôp, xã Ia Rsai (Đoạn từ cây xăng Như Ý Krông Pa đến nhà ông Ksor Khanh, đến tạp hoá Mí Anh)							
	Đoạn từ cây xăng Như Ý Krông Pa đến nhà ông Ksor Khanh	-	1,431	-	-	128	183,168	2020
	Đoạn từ cây xăng Như Ý Krông Pa đến nhà ông Ksor Khanh	-	0,200	-	-	354	70,800	2020

TT	Danh mục/ Tuyến đường	Loại đường (Km)				Định mức xi măng hỗ trợ (Tấn/Km)	Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)	Năm đưa vào khai thác sử dụng
		Đường liên xã (đường ĐH trước đây)	ĐX	Loại A	Loại B			
	Đoạn từ cây xăng Như Ý Krông Pa đến tạp hoá Mí Anh	-	0,479	-	-	161	77,119	2015
57	XÃ IA SAO	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
58	XÃ IA TÔ	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
59	XÃ IA TUL	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
60	XÃ KBANG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
61	XÃ KDANG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
62	XÃ KON CHIỀNG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
63	XÃ KON GANG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
64	XÃ KHÔNG BƠ LA	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
65	XÃ KÔNG CHRO	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
66	XÃ KONG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
67	XÃ LƠ PANG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
68	XÃ MANG YANG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
69	XÃ PHÚ THIỆN	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
70	XÃ PHÚ TỨC	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
71	XÃ PỜ TỎ	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
72	XÃ SƠN LANG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
73	XÃ SRỐ	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
74	XÃ TƠ TUNG	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
75	XÃ UAR	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
76	XÃ YA HỘI	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
77	XÃ YA MA	-	-	-	-	-	-	Không đăng ký
TỔNG CỘNG		-	11,587	14,231	14,355		8.221,858	